

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2025
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim B, sinh năm: 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Huỳnh Kim B trình bày tại đơn khởi kiện và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/4/2025 như sau:

Về hôn nhân: Năm 2002, bà B với ông Lê Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà B xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà với ông T có 02 người con chung tên Lê Huỳnh T1, sinh ngày 01/5/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phú T2, sinh ngày 24/8/2007, đang

sống với ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu T2 cho ông T tiếp tục nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 16/4/2025:

Về hôn nhân: Năm 2002 tôi với bà Huỳnh Kim B chung sống với nhau đến năm 2006 vợ chồng mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay bà B xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà B có 02 người con chung tên Lê Huỳnh T1, sinh ngày 01/5/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phú T2, sinh ngày 24/8/2007, đang sống với ông. Khi ly hôn, ông đồng ý nuôi cháu T2 theo nguyện vọng của con, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà B và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Lê Văn T và bà Huỳnh Kim B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà B.

[2] *Về hôn nhân:* Năm 2002 tự nguyện chung sống với nhau đến năm 2006 ông bà mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông T và bà B được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo ông bà trình bày do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Bà B yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Ông T và bà B có 02 người con chung tên Lê Huỳnh T1, sinh ngày 01/5/2002 (đã trưởng thành) và Lê Phú T2, sinh ngày 24/8/2007, đang sống với ông T. Khi ly hôn, bà B và ông T thỏa thuận giao cháu T2 cho ông T nuôi, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận giữa ông T và bà B là phù hợp với nguyện vọng của cháu T2, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Bà Ba K trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho

con. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà B và ông T xác định không có.

[6] *Về án phí*: Bà Ba phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Kim B và ông Lê Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung Lê Phú T2, sinh ngày 24/8/2007 cho ông Lê Văn B1 trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Bà B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà B1 và ông T xác định không có.
4. Về án phí: Bà Ba phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 12/3/2025 bà B1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019288 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA
TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Trần Thới, huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Thái Hoàng Đắc